**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**BUỔI 2: ÔN TẬP LIÊN HỆ GIỮA PHÉP NHÂN VÀ PHÉP KHAI PHƯƠNG**

**LIÊN HỆ GIỮA PHÉP CHIA VÀ PHÉP KHAI PHƯƠNG.**

**I. MỤC TIÊU**

- KT: Ôn tập lại các kiến thức về liên hệ giữa phép nhân, phép chia với phép khai phương. Luyện tập các dạng toán cơ bản và nâng cao.

- KN: Rèn kĩ năng khai phương một tích, một thương, nhân chia các căn thức bậc hai, rút gọn biểu thức, giải phương trình một cách nhanh, chính xác.

- TĐ: Yêu thích môn học, tự tin trong trình bày.

**Phát triển năng lực**

Năng lực tư duy, năng lực phân tích giải quyết vấn đề, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tự học, năng lực hợp tác.

**II. CHUẨN BỊ**

***1. Giáo viên:*** Giáo án, tài liệu tham khảo.

***2. Học sinh:*** Ôn tập kiến thức trên lớp, SGK, SBT, Máy tính

**III. BÀI HỌC**

***1. Ổn định tổ chức:*** Kiểm tra sĩ số

***2. Nội dung.***

**Tiết 1: Ôn tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| ***1. Nhắc lại kiến thức lí thuyết***Hs nhắc lại các định lí, quy tắc đã được học trên lớp | **1. Lí thuyết**- Với các số a và b không âm, ta có: - Các biểu thức A và B không âm, ta có: - Với  |
| GV yêu cầu HS nhận xét, bổ sungGV chuẩn hoá, ghi bảng công thức | Với số a không âm và số b dướng, ta có Với các biểu thức A không âm và B dương, ta có:  |
| **Bài 1: Tính**a)  b) c)  d) 4 HS lên bảng giải toánHS dưới lớp làm vào vởHS nhận xét, chữa bài | **Bài 1:**a) b) c) d)  |
| **Bài 2:** Tínha) b) c) d) e) Nêu cách làm:- Áp dụng tính chất pp giữa phép nhân và phép cộng- Thực hiện nhân các căn bậc hai5 HS lên bảng là bài tậpHS nhận xét, chữa bài. e)  | **Bài 2:**a) b) c) d)  |
| **Bài 3: Tính**a)  ; b)  c) .Nêu cách làm:Áp dụng quy tắc nhân, HĐT số 3 để giải toán3 HS lên bảng làm bàiHS làm bài / Nhận xétGV nhận xét | **Bài 3:**a) b) c)  |

**Tiết 2: Ôn tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bài 4:** Khai triển HĐTa) b) c) d) Sử dụng HĐT nào để giải?HS: HĐT số 1 và số 2HS hoạt động cặp đôiCác cặp đôi báo cáo kết quả | Bài 4:a) b) c) d)  |
| **Bài 5:** Tínha) b) c) d) HS hoạt động nhóm, mỗi nhóm 1 ýHS đại diện nhóm trình bày kết quảHS dưới lớp quan sát cách làmHS nhận xét và chữa bàiCách làm: Phân tích đa thức thành nhân tử rồi thực hiện rút gọnGV nhận xét chốt kiến thức | **Bài 5:**a) b) c) d)  |
| **Bài 6:** Thực hiện phép tínha)  b) c) d) 2 HS lên bảng làm bài tậpHS1 TB: ý a, bHS2 K: ý c, d | **Bài 6:** a) b) c) d)  |

**Tiết 3: Ôn tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bài 7 :** Rút gọn biểu thứca)  với  b)  với  c)  với  d)  với  e)  với Cần lưu ý điều gì khi giải toán?HS: Cần lưu ý điều kiện của  từ đó bỏ dấu giá trị tuyệt đối5 HS lên bảng giải toánHS dưới lớp làm bài, nhận xétGV nhận xét, chữa bài | **Bài 7:**a) = b) = c)  =d)  =e) = |
| **Bài 8:** Giải phương trìnha)  b) c) d) HS hoạt động nhóm dãy bànDãy 1: a, bDãy 2: c, d2 đại diện dãy trình bày kết quả | **Bài 8:**a)  b) c)  d)  |
| **Bài 9:** Giải phương trìnha) b) c) d) e) GV lưu ý: Cần đặt ĐK của  ở những phương trình nào?HS: ý c, d, eHS TB lên bảng làm ý a,bYêu cầu HS nhận xét và chữa bàiHS khá làm ý c, d, eYêu cầu HS nhận xétGV nhận xét, chốt kiến thức | **Bài 9:**a) b) c)  ĐKXĐ: hoặc Vậy  là nghiệm của phương trìnhd)  ĐKXĐ:  ( tm ĐKXĐ)Vậy là nghiệm của phương trìnhe) ĐKXĐ: (tm ĐKXĐ)Vậy là nghiệm của phương trình |
| **Bài 10:** Tìm giá trị lớn nhất của các biểu thức biểu thức: GV hướng dẫn HSG: Đem thực hiện phép chia hai căn bậc hai để giải toánHS thực hiện theo hướng dẫn của GVHS chữa bài | **Bài 10 :**Ta có: Do  với mọi  , dấu “ “ xảy ra khi  nên Vậy giá trị lớn nhất của  là  khi . |

**Dặn dò:** Về nhà xem lại các bài tập đã chữa và phương pháp giải.

**BTVN:**
**Bài 1**:

Ia)  b) c)  d) 

IIa)  b)  c.  d. 

**Bài 2:** Rút gọn các biểu thức sau:

a)  c) 

b)  d) 

**Bài 3**: Tìm x

a)  b)  c) 

d)  e)  f) g) 

**Bài 4**: Thực hiện phép tính

a)  b) 

**Bài 5 :**Thực hiện phép tính: 

***HD bài 5:***



